



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 19/07/2025 (Thứ Bảy)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
2.6	19:34	22:30	↙
1.7	00:51	04:30	↗
3.2	07:24	10:30	↙
1.1	14:28	18:15	↗
2.6	21:32	00:15	↙
2.1	01:43	05:30	↗

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Đ.Minh	KMTC JARKATA	9.2	172	16,659	P/s3 - BNPH1	02:00	//0400	A2-A3
2	Phú	MAERSK JAKARTA	9.3	186	32,965	P/s3 - CL5	05:30	//0830	A1-A2
3	T.Tùng - M.Cường	YM CERTAINTY	10.4	210	32,720	P/s3 - CL3	19:00	Cano DL	A5-A6
4	P.Hung	SITC SHANDONG	9.2	172	17,119	P/s3 - CL7	14:00	//1600	A1-A2
5	Giang	SINOTRANS TIANJIN	8.1	144	9,930	P/s3 - CL4-5	13:30	//1630	A3-08
6	Hoàn - N.Trường	HAI BAO	3.2	59	299	P/s1 - TL CL7	14:00		08
7	Đặng - N.Hiến	WAN HAI 353	10.4	204	30,519	P/s3 - CL5	19:30	//2230	A5-A6
8	V.Hoàng - Kiên	SITC CHUNMING	10.3	186	29,232	P/s3 - CL4	20:30	Cano DL	A1-A2
9	N.Chiến	SITC JIADE	8.1	172	18,848	H25 - TCHP	20:00		01-CSG96
10	V.Hải	SITC MINGDE	9.5	172	18,820	P/s3 - CL1	21:00	//2300	A3-DT07
11	Hồng	TASCO PHOENIX	5.1	78	1,523	P/S - CR	06:00	QTCR	

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Trung - N.Cường	COSCO SHIPPING DENALI	12	366	154,300	CM4 - P/s3	01:30	MP-VTX	A9-A10-SF1
2	Uy	DA MAN	2.5	56	399	P/s1 - TCCT	04:00		2 lai gỗ
3	Đ.Toản - Đức	COSCO PORTUGAL	10.7	366	153,666	P/s3 - CM4	04:30	Y/c MT-3NM-VTX	A9-A10-SF1
4	A.Tuấn - P.Tuấn	ONE FOCUS	14	366	154,724	CM3 - P/s3	07:00	MP-3NM-VTX	MR-KS-AWA
5	Nhật - N.Dũng	SEASPAN BREEZE	10.6	337	113,042	P/s3 - CM3	15:00	Y/c MT-VTX	MR-KS-AWA
6	Chính	DA MAN	2.5	56	399	TCCT - P/s2	19:30		2 lai gỗ

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Quân	MAERSK VERACRUZ	9.5	176	18,257	CL1 - P/s3	03:00		A1-A5

2	M.Hải	WAN HAI 285	9	175	20,924	BNPH1 - P/s3	04:30		A2-A3
3	Đ.Long	ISEACO GENESIS	8.1	167	15,095	TCHP - H25	05:00		01-CSG96
4	Vinh	YM HORIZON	7	169	15,167	TCHP - H25	08:00		01-CSG96
5	N.Tuấn - M.Hùng	DORIS OCEAN	9.9	216	27,915	CL5 - P/s3	05:00		A5-A6
6	Tân	HEUNG A HOCHIMINH	9.6	172	17,791	CL7 - P/s3	17:00		A1-A3
7	Duyệt - Diệu	WAN HAI 335	9.3	210	32,120	CL3 - P/s3	20:00	Cano DL	A1-A2
8	Quang	KMTC JARKATA	8.4	172	16,659	BNPH1 - P/s3	19:00		A2-A3
9	K.Toàn - Duy	TERATAKI	7.5	186	29,421	CL4 - P/s3	23:30		A1-A2
10	Quyển	HAI BAO	3	59	299	TL CL7 - P/s2	20:00		08
11	H.Trường	MAERSK JAKARTA	9.5	186	32,965	CL5 - P/s3	22:30		A1-A2
12	Đ.Minh	KANWAY LUCKY	9.6	172	18,526	BP7 - P/s3	23:00		A3-A6
STT	Hoa tiêu	Tàu dời	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	P.Thuyền	KANWAY LUCKY	9.9	172	18,526	CL4-5 - BP7	17:00		A6-DT07
2	Duyệt	KOTA NEBULA	10.1	180	20,902	BP7 - CL1	03:00	Buộc phao chờ cầu	

PILOTING TO SUCCESS